

ABBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY
GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18-04-2025

**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM**

PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM
CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích xây dựng phương án

Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (sau đây gọi tắt là Phương án khắc phục dự kiến) được xây dựng để tuân thủ Điều 143 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, nhằm đảm bảo khả năng phản ứng kịp thời với những tình huống khác nhau trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phương án khắc phục dự kiến này được áp dụng tại Ngân hàng TMCP An Bình.

Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các chữ viết tắt

- NHNN: Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- ABBANK/Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
- TCTD: Tổ chức tín dụng
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị của ABBANK

2. Giải thích từ ngữ

- Can thiệp sớm* là việc NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và yêu cầu TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó thực hiện phương án khắc phục dự kiến dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật các TCTD.
- Rút tiền hàng loạt* là việc TCTD bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN.
- Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông.
- Vốn tự có* gồm giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Các trường hợp Ngân hàng nhà nước thực hiện can thiệp sớm

Theo khoản 1 Điều 156 Luật Các TCTD, NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi Ngân hàng thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

1. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.
2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Vi phạm việc duy trì tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN trong thời gian 30 ngày liên tục;
4. Vi phạm việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ trong thời gian 06 tháng liên tục;
5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Yêu cầu chung và các biện pháp chủ yếu dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

1. Phương án khắc phục dự kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- b) Thực trạng tài chính và hoạt động của Ngân hàng;
- c) Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật Các TCTD;
- d) Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.

2. Yêu cầu chung về triển khai biện pháp khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm:

- a) Xác định nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm và cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục dự kiến (nếu cần).
- b) Triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục được xác định cụ thể theo từng trường hợp được can thiệp sớm.
- c) Báo cáo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của NHNN và quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, có liên quan.

3. Các biện pháp khắc phục chủ yếu trong trường hợp được can thiệp sớm:

- a) Tăng vốn điều lệ và thời gian thực hiện; lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của cổ đông quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật Các TCTD
- b) Cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

- c) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- d) Nâng cao năng lực quản trị, điều hành;
- e) Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật;
- f) Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản.

CHƯƠNG II

THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, KINH DOANH THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 6. Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh

1. Thông tin Giấy phép thành lập và hoạt động

- a) Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993 Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018, đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019, Quyết định số 1466/QĐ-NHNN ngày 14/9/2021, Quyết định số 672/QĐ-NHNN ngày 12/4/2022 và Quyết định số 1360/QĐ-NHNN ngày 13/7/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- b) Mã số doanh nghiệp: 0301412222, đăng ký lần đầu do Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 28/6/2023.

2. Mạng lưới hoạt động

- a) Trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- b) Chi nhánh, Phòng giao dịch: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có 35 Chi nhánh, 130 Phòng giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK đáp ứng theo quy định của Luật các TCTD và pháp luật khác có liên quan.

Vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và cơ cấu nhân sự bộ máy quản trị, điều hành của Ngân hàng được quy định cụ thể tại Điều lệ ABBANK.

4. Hoạt động kinh doanh

Ngân hàng hoạt động kinh doanh tiền tệ, dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc và tại nước ngoài phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật. Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

- Hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: huy động vốn như nhận gửi tiền không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; vay vốn ngắn hạn của NHNNVN dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của các tổ chức tín dụng và công ty tài chính; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNNVN;
- Hoạt động cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước, quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: phát hành thẻ tín dụng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNNVN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Hoạt động góp vốn, mua cổ phần, đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; và
- Hoạt động lưu ký chứng khoán, ví điện tử, mua nợ.

Điều 7. Đánh giá thực trạng tài chính và hoạt động

1. Một số chỉ tiêu tài chính làm sơ sở đánh giá:

Đơn vị: triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023
1	Tổng tài sản	176.619.412	161.977.364
2	Vốn chủ sở hữu	13.936.837	13.349.434
3	Vốn điều lệ	10.350.368	10.350.368

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023
4	Tổng nguồn vốn huy động từ nền kinh tế	109.959.587	115.654.059
5	Tổng dư nợ tín dụng cho nền kinh tế	110.098.929	102.448.052
6	Lợi nhuận trước thuế	778.549	513.288
7	Lợi nhuận sau thuế	627.225	398.229
8	ROE	4,60%	3,03%
9	ROA	0,37%	0,27%
10	Tỷ lệ nợ xấu	2,48%	2,17%

Nguồn: BCTC kiểm toán

(Số liệu, thông tin chi tiết theo Báo cáo tài chính của Ngân hàng).

2. Chất lượng tài sản

a) Tình hình cấp tín dụng

- Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về ưu tiên hỗ trợ tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát tại Nghị quyết 01/NQ-CP và các văn bản chỉ đạo của NHNN, ABBANK đã thực hiện đồng bộ các giải pháp tín dụng, tháo gỡ khó khăn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân và doanh nghiệp. ABBANK hướng đến đối tượng doanh nghiệp và người dân nhu cầu mở rộng sản xuất, phát triển kinh doanh an toàn, lành mạnh, phương án kinh doanh khả thi, bền vững nhưng thiếu vốn. Đồng thời xem xét mức lãi suất ưu đãi hợp lý đối với người dân và doanh nghiệp có nhu cầu chính đáng, hợp pháp nhưng gặp khó khăn trong tiếp cận vốn.
- ABBANK đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến kiến thức, thông tin rộng rãi, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và kịp thời các chương trình, sản phẩm cho vay, cách thức tiếp cận vốn để người dân nắm bắt và tiếp cận chính sách với đa dạng phương tiện truyền thông như: website, tờ rơi, tổng đài, thông tin niêm yết tại các điểm giao dịch,... Định kỳ hàng tháng, ABBANK thực hiện cập nhật công bố lãi suất trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, bao gồm cả thông tin các chương trình, gói tín dụng ưu đãi áp dụng theo từng đối tượng khách hàng cụ thể.
- Đối với khách hàng hiện hữu, ABBANK tiếp tục thực hiện các cơ chế giảm lãi suất/giảm phí theo phân quyền, xem xét chính sách lãi suất ưu đãi cho từng đối tượng khách hàng nhằm hỗ trợ kịp thời để khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn, phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến nay, ABBANK đã triển khai

5 đợt điều chỉnh giảm lãi suất, với mức giảm từ 0,3% đến 0,7%/lần điều chỉnh. Đồng thời, Ngân hàng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới.

- Ngân hàng cũng thực hiện rà soát chi phí hoạt động, trọng điểm đầu tư, tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, số hóa quy trình cấp tín dụng, cung cấp trải nghiệm khách hàng tốt hơn, tinh gọn thủ tục tăng khả năng tiếp cận vốn của khách hàng và rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng, góp phần giảm chi phí hoạt động, chi phí vốn của Ngân hàng.
- Đối với hoạt động cho vay TCTD khác: các khoản cho vay TCTD khác toàn bộ là nợ nhóm 1, được thu hồi đầy đủ và đúng hạn toàn bộ gốc và lãi.
- Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu do TCTD khác phát hành: Các khoản Trái phiếu do TCTD khác phát hành do ABBANK đầu tư đều là nợ nhóm 1, thu hồi đầy đủ và đúng hạn toàn bộ gốc và lãi.

b) Chất lượng tài sản

- ABBANK duy trì kiểm soát tỷ lệ nợ xấu và các biện pháp xử lý nợ xấu đến nay cơ bản phát huy hiệu quả. Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số dư nợ xấu là 3.841.212 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,48% (tỷ lệ nợ xấu giảm so với mức 2,52% thời điểm 30/09/2024).
- Nợ cơ cấu, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo các Thông tư của NHNN: Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN và cho khách hàng thiệt hại do bão số 03 bão Yagi tại 31/12/2024 tổng dư nợ gốc 454.740 triệu đồng và lãi là 50.134 triệu đồng.
- Nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), khả năng thu hồi, biện pháp thu hồi: Đến 31/12/2024 dư nợ gốc bán VAMC còn theo dõi là: 4.492 tỷ đồng. Đến 31/3/2025 dư nợ gốc bán VAMC giảm còn 4.302 tỷ đồng. Từ tháng 9/2024 đến hết quý 1/2025, ABBANK không thực hiện bán mới VAMC. Dự kiến trong năm 2025 Ngân hàng sẽ không bán mới nợ cho VAMC đồng thời tích cực mua lại để giảm danh mục nợ bán cho VAMC.
- Đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp tiềm ẩn thành nợ xấu: không phát sinh.
- Lãi dự thu phải thoái nhưng chưa thoái: không phát sinh.

3. Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 779 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2023 nhờ vào việc Ngân hàng tập trung thu nợ ngoại bảng và tận dụng những tín hiệu tích cực từ thị trường để tăng trưởng hoạt động đầu tư (Chi tiết theo Báo cáo tài chính của Ngân hàng).

4. Tình hình thanh khoản và việc chấp hành các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn

Trong năm 2024, ABBANK duy trì tỷ lệ thanh khoản tuân thủ các giới hạn nội bộ, đáp ứng các khẩu vị rủi ro của Ngân hàng và quy định của NHNN.

ABBANK chấp hành các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật Các TCTD, Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung.

5. Hệ thống kiểm soát nội bộ

ABBANK chấp hành quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung về hệ thống kiểm soát nội bộ.

CHƯƠNG III

CÁC PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN VÀ LỘ TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN

Điều 8. Các phương án khắc phục dự kiến và lộ trình, thời hạn thực hiện

- 1. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp số lỗ lũy kế của ABBANK lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.**

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	Biện pháp dự kiến	Thời gian thực hiện
1.1	Biện pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh	6 – 12 tháng
1.2	Biện pháp cắt giảm chi phí	6 – 12 tháng
1.3	Biện pháp tận thu các nguồn tài chính có thể để bù đắp lỗ	6 – 12 tháng
1.4	Biện pháp nâng cao tỷ lệ an toàn vốn	
a	Biện pháp cải thiện Vốn tự có	
	+ Tăng Vốn điều lệ và có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần	6 – 12 tháng
	+ Tăng Vốn cấp 2	3 – 6 tháng
b	Biện pháp cải thiện chất lượng Tài sản Có rủi ro	6 – 12 tháng
1.5	Các biện pháp khác	6 – 12 tháng

2. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	Biện pháp dự kiến	Thời gian thực hiện
2.1	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Vốn (C)	6 – 12 tháng
2.2	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Chất lượng tài sản (A)	9 – 12 tháng
2.3	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Quản trị điều hành (M)	6 – 12 tháng
2.4	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Kết quả hoạt động kinh doanh (E)	6 – 12 tháng
2.5	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Khả năng thanh toán (L)	3 – 6 tháng
2.6	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường (S)	3 – 6 tháng

3. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp vi phạm duy trì tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN trong thời gian 30 ngày liên tục.

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	Biện pháp dự kiến	Thời gian thực hiện
3.1	Biện pháp cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản không sinh lời hoặc có rủi ro cao	3 – 6 tháng
3.2	Biện pháp xin hỗ trợ của NHNN	1 – 3 tháng
3.3	Biện pháp cải thiện dòng tiền ra ròng	Hàng ngày
3.4	Các biện pháp khác	1 – 3 tháng

4. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp vi phạm duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ trong thời gian 06 tháng liên tục

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	<i>Biện pháp dự kiến</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
4.1	Biện pháp quản lý, phát triển Vốn tự có	
	+ Tăng Vốn điều lệ và có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần	6 – 12 tháng
	+ Tăng Vốn cấp 2	3 – 6 tháng
4.2	Biện pháp nâng cao chất lượng Tài sản Cố	6 – 12 tháng
4.3	Biện pháp xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm	9 – 12 tháng
4.4	Các biện pháp khác	6 – 12 tháng

5. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	<i>Biện pháp dự kiến</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
5.1	Các biện pháp về truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản: - Công tác truyền thông: truyền thông bên ngoài, truyền thông nội bộ, trấn an tâm lý, giảm thiểu hiệu ứng tiêu cực lan truyền; kiểm soát chặt chẽ các thông tin bất lợi gây ảnh hưởng đến danh tiếng của ngân hàng. - Công nghệ thông tin: đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục, có phương án ứng phó trong trường hợp giao dịch tăng đột biến; dữ liệu cập nhật liên tục, kịp thời, chính xác phục vụ việc khai thác dữ liệu, cập nhật trạng thái thanh khoản của Ngân hàng, kịp thời đưa ra các dự báo/cảnh báo từ đó có các giải pháp phù hợp, hiệu quả.	7 - 30 ngày
5.2	Các biện pháp đảm bảo an toàn kho quỹ	Hàng ngày
5.3	Các biện pháp hỗ trợ thanh khoản	Hàng ngày
5.4	Các biện pháp từ kinh doanh, chăm sóc khách hàng	Hàng ngày
5.5	Các biện pháp tiếp cận, xin hỗ trợ từ NHNN và các đối tác	Hàng ngày
5.6	Các biện pháp khác	Hàng ngày

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Phương án khắc phục dự kiến có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
2. Trường hợp Phương án khắc phục dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và NHNN có ý kiến yêu cầu điều chỉnh (sửa đổi, bổ sung), thì việc điều chỉnh Phương án khắc phục dự kiến theo ý kiến của NHNN sẽ do HĐQT thực hiện. Giao/ủy quyền HĐQT điều chỉnh, bổ sung, chi tiết hoá các nội dung của Phương án này phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế của ABBANK và/hoặc chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Trường hợp quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Phương án này hoặc trường hợp có sự thay đổi quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nội dung phương án này mâu thuẫn với quy định của pháp luật thì quy định có liên quan của pháp luật đương nhiên được áp dụng.

Phương án khắc phục dự kiến này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.